

Bản án số: 54/2020/HS-PT
Ngày 30 tháng 6 năm 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Huyền
Các Thẩm phán : Ông Tạ Văn Thành;
Ông Hồ Văn Việt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành L - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Tuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh P đưa ra xét xử theo trình tự phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 08/2020/TLHS - PT ngày 07 tháng 01 năm 2020, do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Như H đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 46/2019/HSST ngày 12/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh P, do bị cáo kháng cáo:

Bị cáo: Nguyễn Như H, sinh ngày 11/01/1956; Giới tính: Nam; Nơi sinh: huyện T, tỉnh P; Nơi cư trú: Khu 5 (nay là khu Đ 3), xã Đ, huyện T, tỉnh P; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Hưu trí; Trình độ văn hóa: 7/10; con ông Nguyễn Văn L (đã chết); con bà Hà Thị L (đã chết); Vợ: Lê Thị T, sinh năm 1962; Con có 03 con (Lớn sinh năm 1984; nhỏ sinh năm 1990);

- Tiền án, tiền sự: Không;
- Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại tại xã Đ, huyện T, tỉnh P (Có mặt).

- Nguyễn Như H là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Hà Thị Minh N, sinh năm 1976

Nơi cư trú: Khu 5, xã Đ, huyện T, tỉnh P

2. Anh Phan Thanh L, sinh năm 1979

Nơi cư trú: Khu 2, xã Đ, huyện T, tỉnh P

3. Bà Lê Thị S, sinh năm 1980

Nơi cư trú: Khu 2, xã Đ, huyện T, tỉnh P

4. Ông Hà Hồng T, sinh năm 1973 - Chủ tịch UBND xã Đ

Nơi cư trú: Khu 3, xã Đ, huyện T, tỉnh P

5. Ông Vũ Trọng N, sinh năm 1959

Nơi cư trú: Tổ 60, khu H, phường M, thành phố V, tỉnh P.

(Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Tòa án không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Ngày 24/9/2018 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T nhận được tin báo về tội phạm của bà Hà Thị Minh N, sinh năm 1976 trú tại khu 5, xã Đ, huyện T, tỉnh P về việc: Ngày 23/12/2009 hộ gia đình bà Hà Thị Minh N được UBND huyện T giao cấp 01 thửa đất (số 927, tờ bản đồ số 13-ĐCCQ, diện tích 300m²) tại khu vực M thuộc khu 1, xã Đ, huyện T. Đến năm 2016 bà N phát hiện thửa đất trên đã được chuyển nhượng cho anh Phan Thanh L, sinh năm 1979 và vợ là Lê Thị S, sinh năm 1980 cùng trú tại khu 2, xã Đ, huyện T, tỉnh P mà chưa được sự đồng ý của bà N.

Ngay sau khi nhận được tin báo, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã tiến hành điều tra, xác minh, ghi lời khai những người có liên quan. Qua điều tra xác định:

Ngày 07/12/1999 bà Hà Thị Minh N kết hôn với ông Phan Thanh G (con trai ông Phan Văn Q và bà Hán Thị T. Năm 2005 Phan Thanh G chết. Chị N và con gái là cháu Phan Thị Ngọc C, sinh năm 2000 sống cùng ông bà Q T. Năm 2009, thực hiện chủ trương quy hoạch, thu hồi và chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn xã Đ để giao đất cho nhân dân tự làm nhà ở ông Phan Văn Q đã làm đơn đề nghị xin giao cấp đất cho hộ bà Hà Thị Minh N. Do lúc này bà N đang đi làm ăn xa, nên đã nhờ vợ chồng ông bà Q T thực hiện thủ tục xin giao cấp đất cho hộ gia đình mình. Tại Quyết định số 2797/QĐ-UBND ngày 23/12/2009 của UBND huyện T, hộ bà Hà Thị Minh N được cấp đất ở ô số 26 với diện tích là 300m². Tại thời điểm được giao cấp quyền sử dụng đất, hộ bà N chỉ có 02 nhân khẩu là bà N và con gái là cháu C. Ngày 10/12/2013 hộ bà N được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH000232 đối với thửa đất nêu trên nhưng bà N chưa được giao đất trên thực địa, chưa nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vẫn do cán bộ địa chính giữ, chưa giao cho ai)

Ngày 20/12/2012 bà Hà Thị Minh N kết hôn với ông Đỗ Ngọc M, sinh năm 1958 trú tại khu 12, xã Đ, huyện T. Sau khi bà N tái giá, bà Hán Thị T đến gặp Nguyễn Như H, sinh năm 1956 trú tại khu 5, xã Đ, huyện T - là Công chức Địa chính, Nông nghiệp, Xây dựng, Môi trường của UBND xã Đ đặt vấn đề nhờ H làm hồ sơ để chuyển quyền sử dụng đối với thửa đất số 927, tờ bản đồ số 13-ĐCCQ thuộc khu vực M từ Hà Thị Minh N sang cho vợ chồng anh Phan Thanh L (con trai bà T). Nguyễn Như H đồng ý và sử dụng ba chiếc bút trong đó có 01 chiếc bút mực nước màu đen, 01 chiếc bút mực nước màu xanh (kiểu bút chữ A) và 01 chiếc bút bi thiên L mực màu xanh tự mình thiết lập hồ sơ chuyển nhượng.

Sau đó Nguyễn Như H trình hồ sơ đến Chủ tịch UBND xã Đ là ông Hà Hồng T, sinh năm 1973 trú tại khu 3, xã Đ, huyện T để ký xác nhận rồi mang hồ sơ chuyển nhượng này nộp lên Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện T. Ông Vũ Trọng N, sinh năm 1959 trú tại phường M, thành phố V, tỉnh P là người trực tiếp thẩm định hồ sơ. Sau khi soát xét các tài liệu trong hồ sơ thấy đầy đủ

theo quy định, ông N đã ký thẩm định hồ sơ đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lập tờ trình và các thủ tục khác để UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 927, tờ bản đồ số 13-ĐCCQ cho anh Phan Thanh L và vợ là Lê Thị S.

Quá trình làm hồ sơ, anh Phan Văn K, sinh năm 1974, trú tại khu 5, xã Đ là con trai ông bà Q T đưa cho Nguyễn Như H 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) để thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên. Tổng số tiền Nguyễn Như H đã nộp là 2.114.000 đồng (Hai triệu một trăm mười bốn nghìn đồng), số tiền còn lại là 386.000 đồng (Ba trăm tám mươi sáu nghìn đồng) H đã sử dụng cá nhân hết.

Để phục vụ công tác điều tra, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện T đã bàn giao cho Cơ quan điều tra Công an huyện T 01 bộ hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Phan Thanh L và vợ là Lê Thị S.

Quá trình điều tra, CQĐT công an huyện T đã ra Quyết định trưng cầu phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Phú Thọ giám định chữ viết và chữ ký của Hà Thị Minh N và Phan Thanh L trên hợp đồng chuyển nhượng và các tài liệu có liên quan trong hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ hộ bà N sang vợ chồng ông L và yêu cầu Hội đồng định giá tài sản huyện T định giá thửa đất số 927, tờ bản đồ số 13-ĐCCQ, tại khu vực M thuộc khu 1, xã Đ, huyện T.

Tại Bản kết luận giám định số 266/KLGD-PC09 ngày 23/01/2019 Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh P kết luận: *“Chữ ký dạng chữ viết “N” và các chữ “Hà Thị Minh N” dưới mục “Bên A; Chủ sử dụng đất; Người viết đơn; Người nhận thông báo nộp tiền; Người nộp thuế hoặc đại diện hợp pháp của người nộp thuế” trên “Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất” Trích lục bản đồ địa chính; Đơn đăng ký biến động đất đai; tài sản gắn liền với đất; Thông báo nộp thuế thu nhập cá nhân; Tờ khai thuế thu nhập cá nhân”(Tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2, A3, A4, A5) so với chữ ký dạng chữ viết “N” và các chữ “Hà Thị Minh N” trên “Biên bản làm việc” (tài liệu so sánh ký hiệu M) không phải do cùng một người ký và viết ra”.*

Tại Bản kết luận giám định số 267/KLGD-PC09 ngày 23/01/2019 Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh P kết luận: *“Chữ ký dạng chữ viết “L” và các chữ “Phan Thanh L” dưới mục “Người viết đơn” trên “Đơn đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” (Tài liệu cần giám định ký hiệu A) so với chữ ký dạng chữ viết “L” và các chữ “Phan Thanh L” trên “Biên bản thu mẫu chữ viết, chữ ký” (tài liệu so sánh ký hiệu M) không phải do cùng một người ký và viết ra”.*

Tại bản Kết luận về việc định giá tài sản số 16/KL-HĐĐG ngày 20/3/2019 Hội đồng định giá tài sản huyện T kết luận: *“Kết quả định giá vụ việc giải quyết đơn của bà Hà Thị Minh N, sinh năm 1976, trú tại khu 12, xã Đ, huyện T, tỉnh P có tổng giá trị là: 75.000.000đ (Bảy mươi năm triệu đồng)”.*

Quá trình điều tra, Nguyễn Như H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 46/2019/HS-ST ngày 12/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh P đã: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Như H phạm tội “*Giả mạo trong công tác*”.

Áp dụng: Điểm b Khoản 2 Điều 284; Điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS 1999; Điều 106 BLTTHS năm 2015.

Xử phạt: Nguyễn Như H 03 (Ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án.

Bản án còn tuyên về án phí và các vấn đề khác đúng pháp luật.

Kháng cáo: Ngày 18/11/2019 bị cáo Nguyễn Như H có đơn kháng cáo xem xét hình phạt cho bị cáo được hưởng án treo, cải tạo tại địa phương, đơn làm trong hạn luật định.

Tại phiên tòa: Bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bị cáo cung cấp được tình tiết mới như: Công văn số 55/CV - CAP ngày 06/02/20120 của Công an phường V đề nghị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh P xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo H đã khắc phục hậu quả có trách nhiệm bồi thường về giá trị thửa đất là 180.000.000đ (một trăm tám mươi triệu), bị cáo đã bồi thường được 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng); người bị hại là chị Hà Thị Minh N đã có đơn đề nghị cho bị cáo Nguyễn Như H được hưởng án treo và cải tạo tại địa phương; bị cáo được tặng Kỷ niệm chương thanh niên xung phong; bố, mẹ của bị cáo Nguyễn Như H đều là người có công với cách mạng, có giấy chứng nhận tham gia dân công hỏa tuyến, được hưởng chế độ theo Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg ngày 14/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Như H, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 46/2019/HSST ngày 12/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh P. Áp dụng điểm b khoản 2284, điểm b, s, t khoản 1, 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Như H 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 5 năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Kháng cáo của bị cáo Nguyễn Như H trong hạn luật định được xem xét giải quyết.

[2]. Về nội dung vụ án: Tại cơ quan điều tra, phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm bị cáo khai nhận đã có hành vi phạm tội nêu trên. Lời khai của bị cáo phù hợp với các vật chứng được thu giữ; lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; bản kết luận giám định cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, có đủ căn cứ xác định: Tháng 9/2015 Nguyễn Như H trong thời gian công tác giữ chức danh công chức địa chính xã Đ là người có chức vụ, quyền hạn đã lợi dụng nhiệm vụ được giao, tiến hành lập trích lục bản đồ địa chính; tự ý xác nhận các thông tin về hiện trạng, nguồn gốc, tình trạng tranh chấp đất đai trong đơn đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tự ý điền các thông tin và ký vào bên chuyển nhượng, bên nhận chuyển nhượng đối với các tài liệu trong hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa đất số 927, tờ bản đồ số 13 tại khu 1 xã Đ, huyện T, tỉnh P từ chị Hà Thị Minh N, sinh năm 1976, trú tại khu 12, xã Đ, huyện T, tỉnh P sang tên hộ anh Phan Thanh L, sinh năm 1976, trú tại: khu 12, xã Đ, huyện T, tỉnh P; gây thiệt hại cho chị Nguyệt số tiền 75.000.000 (Bảy mươi năm triệu đồng) và được hưởng lợi số tiền 386.000 đồng (Ba trăm tám mươi sáu nghìn đồng). Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Giả mạo trong công tác” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 359 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tuy nhiên hành vi giả mạo trong công tác của bị cáo Nguyễn Như H xảy ra vào tháng 9/2015, do vậy cần áp dụng điểm b, khoản 2, Điều 284 Bộ luật hình sự 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 để xét xử bị cáo. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và tuyên phạt bị cáo Nguyễn Như H 03 (Ba) năm tù là đúng người, đúng tội, không oan.

[3]. Xét kháng cáo xin được hưởng án treo, cải tạo tại địa phương của bị cáo, Hội đồng xét xử, xét thấy: Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị cáo có Công văn số 55/CV - CAP ngày 06/02/20120 của Công an phường V đề nghị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh P xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Nguyễn Như H đã tích cực giúp đỡ, phối hợp với Công an Phường V trong việc xác minh một số vụ tội phạm ma túy, góp phần ổn định tình hình an ninh trật tự trên địa bàn; bị cáo H đã khắc phục hậu quả có trách nhiệm bồi thường về giá trị thửa đất là 180.000.000đ (một trăm tám mươi triệu), đã nộp được 100.000.000đ (một trăm triệu) đồng; người bị hại là chị Hà Thị Minh N đã có đơn đề nghị cho bị cáo Nguyễn Như H được hưởng án treo và cải tạo tại địa phương; bị cáo được tặng Kỷ niệm chương thanh niên xung phong; bố, mẹ của bị cáo Nguyễn Như H đều là người có công với cách mạng, có giấy chứng nhận tham gia dân công hỏa tuyến, được hưởng chế độ theo Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg ngày 14/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ. Hơn nữa, bị cáo là người cao tuổi, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng. Như vậy, bị cáo Nguyễn Như H được áp dụng thêm những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo sửa Bản án hình sự sơ thẩm, cho bị cáo hưởng án treo là phù hợp.

[4]. Đối với quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tại phiên tòa là có cơ sở được chấp nhận.

[5]. Về án phí hình sự phúc thẩm: Kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên bị cáo không chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị giữ nguyên.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ điểm b, khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Như H. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 46/2019/HS-ST ngày 12/11/2019 Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh P.

[2]. Căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 284 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b, t, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; điểm a khoản 1; điểm d khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Như H phạm tội “Giả mạo trong công tác”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Như H 36 (ba mươi sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 5 (năm) năm, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Như H cho UBND xã Đ, huyện T, tỉnh P giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã Đ, huyện T, tỉnh P giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Hoàn trả Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện T bộ hồ sơ gốc chuyển quyền sử dụng đất từ hộ bà Hà Thị Minh N sang hộ ông Phan Thanh L (*hiện đang lưu hồ sơ vụ án*).

[3]. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Như H không phải chịu án phí phúc thẩm hình sự.

[4] Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh P;
- CA, TA, VKS, THADS huyện T;
- Ủy ban kiểm tra Huyện ủy T;
- UBND xã Đ – H. T
- Bị cáo;
- Lưu: HS, AV, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thu Huyền

